

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 265/2021/HNGĐ-ST.*

*Ngày: 27/9/2021.*

*V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo. Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2021/QĐXX-ST ngày 9 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Duy B – Sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp AQ, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đỗ Duy B trình bày: Ông và bà L quen biết và kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn. Sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, cả hai đã cố gắng tìm cách giải quyết nhưng không được, đến cuối năm 2020 thì không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 12/8/2013 hiện đang sống với bà L, khi ly hôn yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: ông B và bà L kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau, ông Bình yêu cầu ly hôn với bà L, bà L không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc ông B yêu cầu xin ly hôn với bà L là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: vợ chồng có 01 tên Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 12/8/2013 hiện đang sống với ông B, khi ly hôn ông B yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng cháu Q cũng mong muốn được sống với ông B. Vì vậy đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về thủ tục tố tụng:* Ông B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã ATT, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

#### *[2]. Về nội dung tranh chấp*

Ông Đỗ Duy B và bà Nguyễn Thị Kim L kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo ông B trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tôn trọng nhau đến cuối năm 2020 thì không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, ông B yêu cầu ly hôn với bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc ông B yêu cầu ly hôn và triệu tập bà L tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà L vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông B. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu

thuần giữa ông B bà L là do vợ chồng không tôn trọng nhau, nên thường xuyên bất đồng quan điểm đến cuối năm 2020 thì không còn chung sống với nhau cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B xin ly hôn bà L.

[3] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 12/8/2013 thời điểm khởi kiện thì chung sống với bà ngoại sau đó ông B đem về chăm sóc cho đến nay. Ông B yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng cháu Đỗ Ngọc Q cũng mong muốn được tiếp tục sống với ông B. Xét thấy, con chung do ông B chăm sóc nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định cháu Q vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, nghĩ nên giao con chung cho ông B chăm sóc nuôi dưỡng, do bà L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đến.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về quan hệ nợ chung*: không có.

[6] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Duy B xin ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93, ngày 18 tháng 7 năm 2013 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Ông Đỗ Duy B được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 12/8/2013, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Duy B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc ông Bình, bà Lo xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì ông B, bà L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Đỗ Duy B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009576 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 02/6/2021.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Hòa Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**